

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Ba

Ông Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1040/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 2002; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: Ấp T, Hòa Khánh N, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Hồng T1, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông T có mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Hoàng T trình bày:

Ông và bà Lê Hồng T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 05/9/2022. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn và đến nay không thể hàn gắn được. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Về con chung: có 01 con chung tên là **Lê Tấn P**, sinh ngày 15/10/2021. Trước đây theo đơn khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án giao con chung cho ông nuôi dưỡng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông đồng ý giao con chung **Lê Tấn P**, sinh ngày 15/10/2021 cho bà **T1** nuôi dưỡng cho đến trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông **T** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà **Lê Hồng T1** vắng

Tại phiên tòa, nguyên đơn nguyên ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà **Lê Hồng T1** có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn ông **Lê Hoàng T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **Lê Hoàng T** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà **Lê Hồng T1**. Bà **T1** đang cư trú tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà **Lê Hồng T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Ông **Lê Hoàng T** và bà **Lê Hồng T1** tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã **H, huyện C, tỉnh Tiền Giang** nên hôn nhân giữa ông **T** và bà **T1** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông **T** trình bày quá trình chung sống giữa ông **T** và bà **T1** đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, ông kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà **T1**. Bị đơn bà **T1** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông **T** nhưng vắng mặt và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Điều này cho thấy bà **T1** không có mong muốn hàn gắn tình cảm với ông **T**, mâu thuẫn giữa ông **T** và bà **T1** là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc ông **T** kiên quyết ly hôn với bà **T1** là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do ông **T** cung cấp thì ông **T** và bà **T1** có 01 con chung tên **Lê Tấn P**, sinh ngày 15/10/2021. Quá trình giải quyết vụ án, ông **T** đồng ý giao con cho bà **T1** tiếp tục nuôi dưỡng, bà **T1** vắng mặt nên không có ý kiến. Xét thấy con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao con chung cho bà **T1** chăm sóc là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông **T** không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, bà **T1** vắng mặt không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc ông **Lê Hoàng T2** chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 18, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông **Lê Hoàng T** về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với bà **Lê Hồng T1**.

1.1. Về hôn nhân: Ông **Lê Hoàng T** được ly hôn với bà **Lê Hồng T1**.

1.2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên **Lê Tấn P**, sinh ngày 15/10/2021 cho bà **T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **Lê Hoàng T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Buộc ông **Lê Hoàng T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà ông **T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005915 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ông **T** đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (*để biết*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Như